

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 01- 2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thẩm

Ông Vũ Văn Thoá

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BỈm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BỈm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huấn - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BỈm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST- HNGĐ ngày 26/12/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị [Trương Thị H](#) - sinh năm 1988

Cư trú tại: [SN C Ngõ B đường Đ, Khu phố G, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt có lý do)

Bị đơn: Anh [Luu Văn H1](#), sinh năm 1981

Cư trú tại: [SN C Ngõ B đường Đ, Khu phố G, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 21/11/2024 nguyên đơn chị [Trương Thị H](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh [Luu Văn H1](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/02/2008 tại [UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#). Trước kết hôn anh chị tự nguyện đến với nhau được hai bên gia đình chấp thuận. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhưng từ tháng 4 năm 2023 đến nay đã hơn 1 năm chị cảm thấy vợ chồng không thể hoà hợp và nhiều lần không thể hoà giải. Vậy, chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Luu Văn H1](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu tên là [Luu Thị Hoàng A](#), sinh ngày 02/4/2009, cháu thứ hai tên là [Luu Thị Ngọc Á](#), sinh ngày 25/11/2012, cháu thứ ba tên là [Luu Ánh D](#), sinh ngày 22/02/2021. Nguyên vọng của chị là xin được nuôi dưỡng 2 cháu [Á](#) và [D](#), anh [H1](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 cháu là 750.000đ/ 1 cháu, còn cháu [Luu Thị Hoàng A](#) giao cho anh [H1](#) nuôi dưỡng.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về phía bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh [Luu Văn H1](#) đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, nhiều lần triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh [H1](#) không đến Toà án làm việc, không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2024 ông [Hoàng Văn L](#) trưởng [khu phố G, phường Đ, thị xã B](#) cung cấp: Chị [Trương Thị H](#) và anh [Luu Văn H1](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND phường Đ, thị xã B](#) năm 2008. Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì thường xuyên cãi nhau, tuy nhiên vợ chồng không báo cáo chính quyền địa phương để hoà giải. Anh chị có 03 con chung cháu [Luu Thị Hoàng A](#), sinh năm 2009, [Luu Thị Ngọc Á](#), sinh năm 2012, [Luu Ánh D](#), sinh năm 2021. Nay, chị [H](#) làm đơn ly hôn đề nghị Toà án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 26/11/2024 và ngày 06/12/2024 Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 22/11/2024 và ngày 26/11/2024, tuy nhiên, anh [Luu Văn H1](#) vắng mặt không có lý do, chị [Trương Thị H](#) có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (viết tắt: BLTTDS), Toà án nhân dân thị xã Bỉm Sơn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị [Trương Thị H](#) có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh [Luu Văn H1](#) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt chị [Trương Thị H](#) và anh [Luu Văn H1](#).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Trương Thị H](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Trương Thị H](#) được ly hôn với anh [Luu Văn H1](#).

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Luu Thị Ngọc Á](#), sinh ngày 25/11/2012 và cháu [Luu Ánh D](#), sinh ngày 22/02/2021 cho chị [Trương Thị H](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh [H1](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ/cháu (1.500.000đ/2 cháu) cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), giao cháu [Luu Thị Hoàng A](#), sinh ngày 02/4/2009 cho anh [Luu Văn H1](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chị [H](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh [H1](#).

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị [Trương Thị H](#) không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị [H](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; Anh [H1](#) phải nộp 300.000đ về án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị [Trương Thị H](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Luu Văn H1](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại [phường Đ, thị xã B](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị [Trương Thị H](#) và anh [Luu Văn H1](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa](#) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị [H](#) vì vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, vợ chồng không hoà thuận và đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Bởi vợ chồng đã ly thân một thời

gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chỉ đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Luu Văn H1](#).

HĐXX thấy: Kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử (13/01/2025) đã gần 3 tháng, anh [H1](#) không đến Toà án làm việc, không thể hiện quan điểm của anh về việc ly hôn cũng không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Hai bên không có sự chủ động gặp gỡ để vợ chồng tự hoà giải, tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, trước đây chị [H](#) và anh [H1](#) đã làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi đến Toà án nhân dân thị xã Bim Sơn, Toà án đã thụ lý vụ việc. Sau đó, hai bên đã rút đơn yêu cầu, ngày 18/9/2024 Toà án đã đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị [Trương Thị H](#) và anh [Luu Văn H1](#). Tuy nhiên, ngày 15/10/2024 chị [H](#) lại nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn đến Toà án. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị [H](#) cương quyết xin ly hôn, nghĩ nên chấp nhận cho chị [H](#) ly hôn với anh [H1](#) là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 03 con chung: Cháu đầu tên là [Luu Thi Hoàng A](#), sinh ngày 02/4/2009, cháu thứ hai tên là [Luu Thi Ngọc Á](#), sinh ngày 25/11/2012, cháu thứ ba bên là [Luu Anh D](#), sinh ngày 22/02/2021. Nguyên vọng của chị [H](#) xin được nuôi dưỡng 2 cháu [Á](#) và [D](#), anh [H1](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 cháu mỗi tháng là 750.000đ/cháu (1.500.000đ/2 cháu), còn cháu [Luu Thi Hoàng A](#) giao cho anh [H1](#) nuôi dưỡng, chị [H](#) không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh [H1](#).

HĐXX thấy, vì trong cả quá trình tố tụng anh [H1](#) không đến Toà án không thể hiện quan điểm của mình có xin nuôi con hay không. Quá trình giải quyết vụ án chị [H](#) xin được nuôi dưỡng hai cháu [Á](#) và cháu [D](#) và đề nghị anh [H1](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ/ cháu (1.500.000đ/ 2 cháu) cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Vì vậy, xét yêu cầu của chị [H](#) là phù hợp với quy định của pháp luật vì cháu [D](#) đang còn nhỏ, cháu [Á](#) có nguyện vọng xin ở với mẹ nên giao 2 cháu [Á](#) và [D](#) cho chị [H](#) nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh [H1](#) cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 750.000đ/ tháng là phù hợp với yêu cầu của chị [H](#) và nguyện vọng của cháu [Á](#). Anh [H1](#) mặc dù không đến Toà án làm việc, không thể hiện quan điểm về việc xin nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên cháu [Hoàng A](#) có nguyện vọng xin ở với bố. Vì vậy, HĐXX căn cứ điều kiện và nguyện vọng của cháu [Hoàng A](#), giao cháu [Hoàng A](#) cho anh [H1](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị [H](#) không phải cấp dưỡng nuôi cháu [Hoàng A](#) cùng anh [H1](#) là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị [Trương Thị H](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh [H1](#) phải nộp 300.000đ về án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiêu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Trương Thị H](#).

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Trương Thị H](#) được ly hôn với anh [Luu Văn H1](#).

- Về con cái: Giao cháu [Luu Thị Ngọc Á](#), sinh ngày 25/11/2012 và cháu [Luu Ánh D](#), sinh ngày 22/02/2021 cho chị [H](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh [H1](#) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 cháu mỗi tháng là 750.000đ/cháu (1.500.000đ/2 cháu) cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao cháu [Luu Thị Hoàng A](#), sinh ngày 02/4/2009 cho anh [H1](#) nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên, chị [H](#) không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh [H1](#).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị [Trương Thị H](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [H](#) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn ngày 25/10/2024 theo biên lai thu số: 0004675. Như vậy, chị [H](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh [Luu Văn H1](#) phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị [Trương Thị H](#) và anh [Luu Văn H1](#).

Chị [H](#), anh [H1](#) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này thực thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, ngành thi hành án dân sự, ngành pháp lý thi hành án dân sự cả quyền thừa kế thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tù ngăn thi hành án hoặc bắt giữ thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bỉm sơn;
- Đường sự;
- THA Dân sự TX Bỉm sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Sơn (22/02/2008);

TỔNG THỊ HÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu hồ sơ vụ án.